

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HSST

Ngày: 29 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quách Hà Vĩnh

2. Ông Hoàng Anh Tài

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Hàn Văn Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2021/HSST ngày 28 tháng 05 năm 2021, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Bị cáo Bùi Văn Đ; sinh ngày 27/04/1993; tại xã T, huyện T, tỉnh T; nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn P và bà Bùi Thị M; vợ Quách Thị K; có 2 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/10/2015 bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố H xử phạt 29 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tính đến thời điểm phạm tội, bị cáo đã chấp hành xong bản án và đương nhiên được xoá án tích. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 29/3/2021 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

****Những người tham gia tố tụng:***

1. *Người bị hại :* Ông: Nguyễn Ngọc B - Sinh năm: 1971(vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, huyện T, tỉnh T:

2. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :* Ông: Bùi Xuân L - Sinh năm: 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 25/3/2021, ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1971, trú tại khu phố V, thị trấn V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1-074.27 đi vào khu nông trại của gia đình ở khu phố 1, thị trấn V rồi dừng xe ở cạnh gốc nhãn, trước sân nhà ở trong nông trại để đi làm ở khu đất phía trong. Đến khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, ông B quay lại thì phát hiện chiếc xe mô tô nói trên đã bị kẻ gian lấy trộm mất nên đã đến trình báo với Công an thị trấn V. Qua xác minh, Công an thị trấn V đã thu hồi được chiếc xe của ông B, đồng thời chuyển tin báo của ông B đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để giải quyết theo thẩm quyền.

Đến ngày 29/3/2021, Bùi Văn Đ, sinh năm 1993, trú tại thôn L, xã T, huyện T đến Công an huyện T đầu thú, tại Cơ quan điều tra Đ khai nhận: Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 25/3/2021, Đ đi bộ đến khu vực khu phố 1, thị trấn V tìm tài sản trộm cắp. Khi đi ngang qua khu đất trồng dưa và các cây ăn quả (nông trại của gia đình ông Nguyễn Ngọc B) thấy phía trước sân nhà ở có chiếc xe mô tô đang dựng cạnh gốc nhãn, tiến lại gần thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-074.27 đang cắm sẵn chìa khoá trong ổ khoá điện, không có người trông coi nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe. Đ quay đầu xe, nổ máy điều khiển đi đến quán sửa xe của ông Bùi Xuân L ở thôn Đ, xã C, huyện T để lại chiếc xe, vay của ông L 800.000 đồng đem tiêu xài, mua ma túy sử dụng hết.

Về phần ông Bùi Xuân L, là người đã đồng ý nhận sửa xe cho Đ và cho Đ vay số tiền 800.000 đồng. Sau đó, khi được Công an thị trấn V thông báo chiếc xe này là tài sản do trộm cắp mà có, ông L đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan Công an.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 12/HĐĐGTSTS-TT ngày 05/4/2021 của Hội đồng Đ giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1- 074.27 của ông Nguyễn Ngọc B tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 6.000.0000 đồng.

Xác minh về nhân thân, tài sản, thu nhập của bị can xác định Bùi Văn Đ là đối tượng có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản nhưng đã chấp hành xong hình phạt và đương nhiên được xoá án tích; hiện nay bị can không có tài sản, thu nhập đáng kể.

Đối với ông Bùi Xuân L, quá trình điều tra xác định ông L không biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-074.27 là tài sản Đ trộm cắp mà có nên hành vi của ông L không phải là tội phạm. Việc ông L cho Đ vay số tiền 800.000 đồng là giao dịch dân sự giữa cá nhân ông L với Đ, quá trình điều tra, gia đình Đ đã trả lại cho ông L số tiền trên.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-074.27. Quá trình điều tra xác Đ chiếc xe mô tô nói trên là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc B. Sau khi tiến hành Đ giá tài sản,

xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe cho chủ sở.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Ngọc B đã nhận lại tài sản, ông Bùi Xuân L đã nhận lại số tiền 800.000 đồng. Cả ông B và ông L và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào khác.

Tại bản cáo trạng số 39/Ctr-VKS-TT, ngày 27/05/2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T đã truy tố Bùi Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự (Sau đây được viết tắt là BLHS).

***Phân tranh tụng tại phiên tòa:**

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS để xử phạt Bùi Văn Đ mức án tù từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không xem xét.

Vật chứng: Đã trả lại tài sản cho người bị hại nên đề nghị không xem xét

Xác minh thu nhập bị cáo không có tài sản gì giá trị đề nghị không phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Bị cáo Bùi Văn Đ thừa nhận hành vi như cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân mô tả và truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và không có ý kiến tranh luận gì.

- Ý kiến của người bị hại: Có đơn xét xử vắng mặt. Phần bồi thường bị hại đã nhận đủ tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Ý kiến trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Thống nhất hành vi của bị cáo như cáo trạng mô tả, thống nhất lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Về phần dân sự đã nhận lại số tiền 800.000đ nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì.

Tại phân tranh luận tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 25/3/2021 Bùi Văn Đ đã lén lút, bí mật chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-074.27 của ông Nguyễn Ngọc B đang dựng trước sân nhà ở tại khu 1, thị trấn V, huyện T qua giám định có giá trị 6.000.000đ(sáu triệu). Do đó có đủ cơ sở xác định bị cáo đã có hành vi vi phạm vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội: Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng do Bùi Văn Đ thực hiện. Tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa bàn.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS và sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, đây là những tình tiết giảm nhẹ được chấp nhận theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để xét xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu trước đó đã bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố H xử phạt 29 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Điều đó chứng tỏ bị cáo không có ý thức để cải tạo thành người công dân tốt, tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp coi thường pháp luật. Do đó hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm, để bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật, cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Đối với ông Bùi Xuân L, quá trình điều tra xác định ông L không biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-074.27 là tài sản Đ trộm cắp mà có nên hành vi của ông L không phải là tội phạm. Việc ông L cho Đ vay số tiền 800.000 đồng là giao dịch dân sự giữa cá nhân ông L với Đ, quá trình điều tra, gia đình Đ đã trả lại cho ông L số tiền trên.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[7] Về hình phạt tiền bổ sung: Qua xác minh bị cáo không có tài sản, thu nhập, nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa đề nghị HĐXX miễn tiền án phí cho bị cáo. Xét thấy bị cáo đủ điều kiện được miễn án phí theo Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên HĐXX miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; BLHS của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bùi Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 29/03/2021.

Áp dụng: Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi NVLQ;
- CQĐT CA huyện T;
- CQTHAHS CA huyện T;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quân